TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 16 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quý
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Qúy
2. Bà Hồ Thị Hải Thanh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Thùy Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cam Lộ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường nhà văn hóa khu phố An Hưng, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST - HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST - HS ngày 06/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bá H, sinh ngày 02/02/1980 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn Minh Hương, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Chức (đã chết) và bà Trần Thị Anh, sinh năm 1953, vợ Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1978; có 02 con, cháu lớn sinh năm 2002, cháu nhỏ sinh năm 2005; hiện đều trú tại: Thôn Minh Hương, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh V, sinh ngày 12/01/1993 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn Minh Hương, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Phúc (đã chết), con bà Trần Thị Ý, sinh năm 1956, vợ con chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Về nhân thân: Ngày 25/12/2014, bị Công an huyện Cam Lộ ra quyết định số 22/QĐ – XPVPHC về hành vi "đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Anh T, sinh ngày 10/11/1981 tại Yên Bái; nơi cư trú: Khu phố 3, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân Am, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Thơm, sinh năm 1946, hiện bố mẹ cư trú tại khu phố 3, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; vợ Hoàng Thị Tình, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con có 01 cháu sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn M, sinh ngày 19/8/1997 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn Bảng Sơn 1, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Tỵ, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Phúc, sinh năm 1963, hiện bố mẹ cư trú tại thôn Bảng Sơn 1, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; vợ con chưa có

Tiền án, tiền sự: Không có.

Về nhân thân: Ngày 20/9/2014, bị Công an huyện Cam Lộ xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Đinh Văn V, sinh năm 1983, trú tại thôn ấp 1, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn D, sinh năm 1991, trú tại thôn Đông Trại, xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1994, trú tại thôn 9, xã EaBung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn C, sinh năm 1982, trú tại số 79 Lê Duẫn, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1975, trú tại thôn Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn X, sinh năm 1964, trú tại thôn Phương An 2, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, trú tại thôn Tân Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 18/4/2019, Trần Văn M điện thoại báo cho Nguyễn Anh V biết tại thôn TS, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ có trại nuôi ong lấy mật, V nhờ M đi xin số điện thoại của chủ trại ong nhưng không được; V báo lại cho Nguyễn Bá H biết. Nguyễn Bá H nhờ Nguyễn Văn C (C Cằn), sinh năm 1982, trú tại thôn TC, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, Quảng Trị xin được số điện thoại của anh Phạm Văn C (chủ trại ong) sinh năm 1982, trú tại Buôn Trấp, Krông Ana, Đắk Lắk. Có số điện thoại, H liền gọi cho anh C xưng là "bảo kê". H hỏi" Đã ai thu tiền bảo kê chưa"? anh C trả lời: "Chưa"; H nói tiếp: " Thông báo cho anh biết tôi có hai thằng em đi thu tiền bảo kê, giá của trại anh gần đường phải nộp tiền là 7.000.000 đồng". Vì lo sợ nên anh C đồng ý và hẹn ngày mai sẽ đưa tiền. Sáng ngày 19/4/2019, H chỉ đạo Nguyễn Anh V đến trại nuôi ong của anh C thu tiền "bảo kê" và đưa số điện thoại của anh Cương để Việt liên lạc. Trưa cùng ngày, Nguyễn Anh V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Daehan, biển kiểm soát 74F2-8397 (xe của Bùi Anh T) đến rủ Trần Văn M cùng đi (lúc này M chưa biết mục đích của V đi đâu). Nguyễn Anh V liên tục gọi điện thoại cho anh C tới gặp để thu tiền "bảo kê" nhưng anh C hẹn đợi. Lúc này Trần Văn M biết rõ mục đích và hành vi của Nguyễn Anh V đi đến trại nuôi ong lấy mật của anh C là để thu tiền "bảo kê" nhưng M không có phản ứng gì. Khoảng 11 giờ 15 cùng ngày, anh Phạm Văn C gọi điện cho V hẹn gặp ở đường liên thôn Bảng Sơn, xã Cam Nghĩa để đưa tiền. Nguyễn Anh V và Trần Văn M đi xe mô tô biển kiểm soát 74F2-8397 đến gặp anh Phạm Văn C, V trực tiếp nói chuyện yêu cầu anh C phải nộp tiền "bảo kê", còn Trần Văn M đứng phía sau lưng V, khoanh tay trước ngực, đi xung quanh quan sát để tạo áp lực cho anh C. Anh Phạm Văn C đưa số tiền 3.000.000 đồng. V cầm tiền xong nói với anh C: "Phải nộp đủ số tiền còn lại nếu không sẽ tính lãi suất cao". Sau khi chiếm đoạt được tiền, V điều khiển xe mô tô chở M đi được khoảng 50 m thì bị lực lượng Công an huyện Cam Lộ bắt quả tang, thu giữ trên người V số tiền 3.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được: Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T còn nhiều lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 08/4/2019, Nguyễn Anh V gọi điện thoại cho Nguyễn Bá H hỏi Hùng có đi thu tiền "bảo kê" các chủ trại nuôi ong trên khu vực Cùa không? H đồng ý và nói V "Cứ làm, mình không làm thì ai làm", có gì khó khăn H sẽ lo. Nguyễn Anh V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74K7-2000 do V mượn trước đó của Nguyễn Văn C, đến trại nuôi ong của anh Đinh Văn V, sinh năm 1983, trú tại Ấp 1, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đặt tại thôn Minh Hương, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị để lấy số điện thoại. Sau khi có số điện thoại của anh V, Nguyễn Anh V đã gọi điện và nhắn tin tự xưng là "bảo kê" tạo áp lực, ép buộc anh V phải nộp tiền "bảo kê" trại nuôi ong. Lo sợ bị các đối tượng phá hoại tài sản, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của mình nên anh V đồng ý nộp tiền. Lúc này, anh V đang ở miền Nam nên hẹn lúc nào ra sẽ liên lạc với V. Chiều cùng ngày, Nguyễn Anh V về nhà của Bùi Anh T ở khu phố 3, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Tại đây, Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T cùng nhau bàn bạc, thống nhất về việc thu tiền "bảo kê" các trại nuôi ong ở địa bàn xã Cam Chính và Cam Nghĩa. H phân công vai trò từng

người như sau: H tìm hiểu thông tin các trại ong, trực tiếp gọi điện đe dọa các chủ trại nuôi ong nộp tiền "bảo kê" và đưa ra số tiền cụ thể phải nộp, hướng dẫn và chỉ đạo Nguyễn Anh V, Bùi Anh T đi thu tiền "bảo kê". Nguyễn Anh V và Bùi Anh T có trách nhiệm tìm hiểu thông tin các trại nuôi ong, xin số điện thoại các chủ trại nuôi ong rồi chuyển lại cho Nguyễn Bá H và trực tiếp đi thu tiền "bảo kê" theo sự chỉ đạo của H. Quá trình thực hiện việc xin số điện thoại rồi đi thu tiền V và T đều phải báo lại cho H biết.

Sáng ngày 14/4/2019, anh Đinh Văn V gọi điện cho Nguyễn Anh V hỏi về việc thu tiền "bảo kê". Do V đang ở Hà Nội nên hẹn anh V sẽ có người đến gặp lấy tiền. V gọi điện báo cho Nguyễn Bá H và Bùi Anh T đến gặp anh V để thu tiền. Nguyễn Bá H trực tiếp gọi điện thoại cho anh Đinh Văn V yêu cầu nộp số tiền 5.000.000 đồng. Anh V xin giảm xuống 4.000.000 đồng, H đồng ý. Sau đó, Nguyễn Bá H và Bùi Anh T thuê xe taxi đến trại nuôi ong của anh V, đến nơi Bùi Anh T trực tiếp gặp và lấy số tiền 4.000.000 đồng của anh V. Số tiền chiếm đoạt được H, V, T tiêu xài chung hết.

Vụ thứ hai: Vào ngày 16/4/2019, tại nhà của Bùi Anh T, Nguyễn Bá H thống nhất với Bùi Anh T và Nguyễn Anh V là trại nào xa đường thì thu 6.000.000 đồng, trại nào gần đường thu 7.000.000 đồng. Sau khi bàn bạc, thống nhất về việc thu tiền "bảo kê" của các chủ trại nuôi ong lấy mật thì Nguyễn Anh V gọi điện cho Trần Văn M nhờ Mừng chỉ địa điểm các trại nuôi ong trên địa bàn Cùa (xã Cam Chính và Cam Nghĩa) thì M đồng ý. V không nói mục đích tìm hiểu thông tin các trại ong để làm gì và M cũng không hỏi.

Cùng ngày 16/4/2019, Nguyễn Bá H gọi điện cho Trần Văn M1 sinh năm 1975, trú tại xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông, Quảng Trị nhờ xin số điện thoại của anh Vũ Văn D, sinh năm 1991, trú tại xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, Ninh Bình, chủ trại ong đặt tại xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, Quảng Trị. Sau khi có được số điện thoại H gọi điện cho anh D tự xưng là "bảo kê" trại nuôi ong và buộc anh D phải nộp số tiền là 6.000.000 đồng. Đến sáng ngày 17/4/2019, Nguyễn Bá H chỉ đạo Bùi Anh T và Nguyễn Anh V đến trại nuôi ong của anh Vũ Văn D để thu tiền "bảo kê", T và V thuê xe taxi đi, khi cách trại anh D khoảng 03 km T và V dừng lại. T liên tục gọi điện thoại cho anh D yêu cầu nộp tiền bảo kê, nhưng vì không có tiền nên anh D không ra gặp. T và V gọi điện thoại báo cho Nguyễn Bá H biết. H nói T và V đi về có chi H lo. H trực tiếp gọi điện thoại cho anh D tiếp tục đe dọa, cung cấp số tài khoản của H và yêu cầu anh D trong vòng 01 đến 02 ngày phải chuyển tiền nếu không sẽ đập phá trại ong của anh D.

Đến chiều ngày 17/4/2019, Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1975, trú tại thôn Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị biết được H gọi điện, đe dọa đòi thu tiền "bảo kê" trại nuôi ong của anh D nên đã gọi điện thoại cho Nguyễn Bá H yêu cầu H không được thu tiền "bảo kê" trại nuôi ong của anh Vũ Văn D, vì đây là hành vi vi phạm pháp luật. Lúc này, H yêu cầu anh Ch nộp số tiền 2.000.000 đồng chi phí đi lại. Anh Ch không đồng ý và nói với H là đã báo công an xã Triệu Ái. H lo sợ bị phát hiện nên không thu tiền của anh D nữa.

Vụ thứ ba: Sáng ngày 17/4/2019, sau khi từ trại ong của anh Vũ Văn D về. Nhận được thông tin do Trần Văn M cung cấp, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T tiếp tục đi xe taxi đến thôn Phương An 2, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ để thu tiền

"bảo kê" của các trại ong khác. Trên đường đi V điện thoại báo với H và được H đồng ý. V và T đi đến trại ong của anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1994, trú tại xã EaBung, huyện Ea Súp, Đắc Lắk. Bùi Anh T xin số điện thoại, trực tiếp nói chuyện, đe dọa yêu cầu anh Nguyễn Văn X nộp số tiền "bảo kê" là 7.000.000 đồng, nhưng vì chưa có tiền nên anh X hẹn khi nào quay mật có tiền sẽ nộp nên T và V ra về và đã báo lại cho Nguyễn Bá H biết. Đến sáng ngày 19/4/2019, Bùi Anh T tiếp tục gọi điện thoại đe dọa anh Nguyễn Văn X, yêu cầu nộp tiền "bảo kê" trong tuần nếu không sẽ phá trại ong. Tuy nhiên, trưa cùng ngày 19/4/2019, V và M đã bị Công an huyện Cam Lộ bắt quả tang về hành vi cưỡng đoạt tài sản nên H, V, T không thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn X.

Tại Bản cáo trạng số 29/CT-VKSCL ngày 05/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Anh T về tội: *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 2 Điều 170; Trần Văn M tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát rút một phần truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Tuấn Anh, truy tố các bị cáo này tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự vì cho rằng các bị cáo phạm tội đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp "phạm tội có tổ chức" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn M ở khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Anh T và Trần Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Bá H từ 21 – 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V từ 21 – 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Anh T từ 15 – 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 38, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 12 – 15 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T đã bồi thường đầy đủ cho anh Đinh Văn V; anh Phạm Văn C đã nhận lại đủ số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt; các bị hại đều không có yêu cầu gì thêm.

- Về vật chứng:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu nâu, BKS 74F2-8397 là tài sản bị cáo Bùi Anh T mua của một người không quen biết, không xác định được chủ sở hữu; cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu; chiếc xe này là phương tiện các bị cáo dùng vào việc chiếm đoạt tài sản, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bên trong gắn 01 sim Vinaphone số 0949580731 của bị cáo Nguyễn Anh V; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen bên trong có gắn 02 sim Vinaphone số 0944354333 và 0844222552 của bị cáo Nguyễn Bá H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, loại bàn phím bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0914165211 của bị cáo Bùi Anh T là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc liên lạc, đe dọa các bị hại nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; các sim điện thoại nằm trong các điện thoại này gồm: 04 sim Vinaphone số 0949580731, 0944354333, 0844222552 và 0914165211 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hũy.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn M 01 điện thoại di động hiệu Mastel, loại bàn phím, màu đen bên trong gắn sim số 0762567592; cho bị cáo Nguyễn Bá H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 PLUS , màu đen, bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0947517559 và 01 sim số serial 89840200021562060274 vì không dùng vào việc phạm tội.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì về việc Kiểm sát viên rút một phần truy tố. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Có căn cứ để xác định do biết những người nuôi ong lấy mật từ các tỉnh khác đến địa bàn Cam Lộ thường có tâm lý lo sợ bị phá hoại tài sản nên từ ngày 08/4/2019 đến 19/4/2019, bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T tìm hiểu số điện thoại của các chủ trại ong rồi nhiều lần điện thoại cho các chủ trại ong đe dọa đòi tiền "bảo kê" nếu các chủ trại ong không đưa tiền thì sẽ bị các bị cáo phá hoại các trại ong. Bằng cách thức đó, các bị cáo đã đe dọa các anh Đinh Văn V, anh Vũ Văn D, Nguyễn Văn X và anh Phạm Văn C. Trong đó, bị cáo Nguyễn Bá H và bị cáo Nguyễn Anh V tham gia 04 vụ; bị cáo Bùi Anh T tham gia 3 vụ và bị cáo Trần Văn M tham gia 01 vụ; các bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản của anh Đinh Văn V 4.000.000 đồng và anh Phạm Văn C 3.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T đã thống nhất bàn bạc, trong đó Nguyễn Bá H tìm hiểu thông tin các trại ong, trực tiếp gọi điện thoại đe dọa các chủ trại ong nộp tiền bảo kê, hướng dẫn Nguyễn Anh T, Bùi Anh T thu tiền bảo kê. Mặc dù các bị cáo có sự phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo nhưng xét thấy tính chất đồng phạm của các bị cáo chưa đến mức độ có sự câu kết chặt chẽ, chưa thể hiện vai trò rõ rệt của từng người cho nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ rút truy tố các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V và Bùi Anh T ở điểm a khoản 2 Điều 170 BLHS là có căn cứ. Tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo thì có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Bá H là người chỉ đạo và thực hiện một cách tích cực, bị cáo V là người khởi xướng việc phạm tội và cũng thực hiện một cách tích cực và bị cáo Tuấn là người thực hiện. Do đó vị trí của bị cáo H là cao nhất, đến V và bị cáo T.

Bị cáo Trần Văn M chỉ tham gia vào ngày 19/4/2019; bị cáo biết rõ mục đích của bị cáo Nguyễn Anh V đi đòi tiền bảo kê nhưng không phản ứng gì mà thực hiện việc giúp sức bằng việc khoanh tay, đi xung quay tạo áp lực cho bị cáo V chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Văn C.

Như vậy, có căn cứ khẳng định hành vi của các bị cáo là đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác, gây tâm lý bất an cho những người có tài sản, nên cần xử phạt nghiêm các bị cáo.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Anh T đều thực hiện phạm tội từ 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Bá H: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51; đầu thú tại khoản 2 Điều 51 của BLHS;

Bị cáo Nguyễn Anh V: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Bị cáo Bùi Anh T: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51; bố mẹ là người có công với cách mạng, đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn M: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS; bố bị cáo là người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Riêng bị cáo Trần Văn M tham gia với vai trò giúp sức, vị trí, vai trò thấp, chỉ tham gia một vụ, cho nên không cần thiết

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại anh Đinh Văn V, Phạm Văn C; các bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Qúa trình điều tra, cơ quan điều tra hiện còn thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu nâu, BKS 74F2-8397; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bên trong gắn 01 sim Vinaphone số 0949580731; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen bên trong có gắn 02 sim Vinaphone số 0944354333 và 0844222552; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 PLUS , màu đen, bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0947517559 và 01 sim số serial 89840200021562060274; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, loại bàn phím bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0914165211; 01 điện thoại di động hiệu Mastel, loại bàn phím, màu đen bên trong gắn sim số 0762567592; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1812, màu đỏ, loại màn hình cảm ứng bên trong gắn sim Viettel số 0977974885.

Hội đồng xét thấy:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu nâu, BKS 74F2-8397 là tài sản bị cáo Bùi Anh T mua của một người không quen biết, không xác định được chủ sở hữu; cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu; tuy nhiên chiếc xe này là phương tiện các bị cáo dùng vào việc chiếm đoạt tài sản, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó áp dụng Điều 228 của Bộ luật dân sự 2015, giao vật chứng này cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ bảo quản, nếu sau 1 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà không có người yêu cầu giải quyết vật chứng thì tài sản sẽ bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bên trong gắn 01 sim Vinaphone số 0949580731 của bị cáo Nguyễn Anh V; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen bên trong có gắn 02 sim Vinaphone số 0944354333 và 0844222552 của bị cáo Nguyễn Bá H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, loại bàn phím bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0914165211 của Bùi Anh T là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc liên lạc, đe dọa các bị hại nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; riêng các sim điện thoại nằm trong các điện thoại này gồm: 04 sim Vinaphone số 0949580731, 0944354333, 0844222552 và 0914165211 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hũy.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn M 01 điện thoại di động hiệu Mastel, loại bàn phím, màu đen bên trong gắn sim số 0762567592; cho bị cáo Nguyễn Bá H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 PLUS , màu đen, bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0947517559 và 01 sim số serial 89840200021562060274 vì không dùng vào việc phạm tội.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Anh T và Trần Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bá H: 22 (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V: 21 (Hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam: 19/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Anh T: 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam: 21/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn M 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2019.

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ bảo quản: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu nâu, BKS 74F2-8397, có số khung: VDMPCG0012M000585; số máy: DGE100 – 1012585, xe đã qua sử dụng.

Nếu sau 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản trên có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn này, tài sản sẽ tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, cảm ứng màu trắng có số Imei: 013421009801401; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, model RM – 1133; imei 1: 35489808 1804725; imei 2: 35489808

1804733; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, model: izi100, màu đen, loại bàn phím, số imei1: 351670092262067, số imei 2: 3517009226075.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 sim Vinaphone số 0949580731, 0944354333, 0844222552 và 0914165211 nằm trong các điện thoại di động nói trên.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật hình sự, tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn M 01 điện thoại di động hiệu Mastel, loại bàn phím, màu đen, số imei 1: 352121089692709, số imei 2: 352121089692717, bên trong gắn sim số 0762567592;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Bá H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 PLUS màu đen, imei 1: 863886 032645952, imei 2: 863886 032645945, bên trong có gắn 01 sim Vinaphone số 0947517559 và 01 sim không rõ thuê bao, số serial 89840200021562060274.

Tất cả các vật chứng nêu trên có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Bá H, Nguyễn Anh V, Bùi Anh T, Trần Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- CA huyện Cam Lộ (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các Bị hại;
- Các Bị cáo;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý